

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN THANH BÌNH
TỈNH ĐỒNG THÁP**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 42/2017/DS-ST

Ngày: 29-11-2017.

V/v tranh chấp hợp đồng vay tài
sản.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN THANH BÌNH, TỈNH ĐỒNG THÁP

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Lý Thị Bích Thơ

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Ngô Văn Khon

Bà Võ Thị Thủy

- Thư ký phiên tòa: Bà Phạm Thị Bích là Thư ký Tòa án nhân dân huyện Thanh Bình, tỉnh Đồng Tháp.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Thanh Bình, tỉnh Đồng Tháp tham gia phiên tòa: Ông Võ Thanh Trường Giang – Kiểm sát viên.

Trong ngày 29 tháng 11 năm 2017 tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện Thanh Bình, tỉnh Đồng Tháp xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 377/2017/TLST-DS ngày 16 tháng 10 năm 2017 về tranh chấp dân sự hợp đồng vay tài sản, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 74/2017/QĐXX-ST ngày 15 tháng 11 năm 2017 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Bà Nguyễn Thị Thiện D, sinh năm: 1970; Nơi cư trú: Ấp t, xã H, huyện B, tỉnh Đ.

- Bị đơn: Bà Lê Thị Kim Th, sinh năm:1977; Nơi cư trú: Ấp T, xã H, huyện B, tỉnh Đ.

Nguyên đơn, bị đơn có mặt tại phiên tòa.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện đề ngày 09/10/2017, biên bản lấy lời khai ngày 13/11/2017, biên bản hòa giải ngày 08/11/2017 và trong quá trình xét xử nguyên đơn bà Nguyễn Thị Thiện D trình bày:

Bà D và bà Th do ở gần xóm nên quen biết nhau, bà có cho bà Th vay tiền và tham gia chơi hụi do bà D làm chủ hụi để bà Th lên Campuchia làm hãng bọc. Vào ngày 15/01/2011(AL) có cho chị Th tham gia hụi 2.000.000đ/tháng, còn nợ

lại số tiền 48.000.000đ; Ngày 09/5/2011 có cho chị Th tham gia hội 1.000.000đ/tháng, còn nợ lại 20.000.000đ; Trước đó năm 2009 bà Th vay 40.000.000đ, lãi suất 3%/tháng, không có làm biên nhận nợ, ngoài ra còn các khoản vay khác không nhớ rõ, do cho vay không có làm biên nhận nợ, các khoản nợ này đã lâu nên từ khi ký biên nhận đến nay bà không còn lưu sổ sách theo dõi, danh sách hội cũng không còn nên không nhớ rõ.

Sau đó bà Th làm ăn khó khăn không có đóng lãi, cũng không đóng hội chết cho bà, bà D đã lấy tiền cá nhân trả lại cho các hội viên, các chân hội này đến nay đã mãn hết, cộng với số tiền vay nhiều lần không có làm biên nhận nợ, ngày 15/6/2013 (AL) bà yêu cầu bà Th tính tổng cộng số tiền nợ và làm biên nhận nợ, bà Th ký tên vào biên nhận nợ với số tiền là 173.000.000đ, thỏa thuận cho bà Th trả dần mỗi tháng 2.000.000đ.

Từ khi làm biên nhận nợ ngày 15/6/2013 cho đến nay bà Th có trả cho bà một số tiền như sau: Tháng 2/2014 là 10.000.000đ; tháng 11/2014 là 3.000.000đ; tháng 3/2015 là 2.000.000đ; tháng 6/2015 là 2.000.000đ; tháng 9/2015 là 2.000.000đ; ngày 29 tết năm 2015 là 2.000.000đ; tháng 5/2016 là 2.000.000đ; tháng 7/2016 là 2.000.000đ; tháng 5/2017 là 8.000.000đ, tổng cộng là 33.000.000đ, số tiền bà Thoa trả thì bà có ghi trong sổ theo dõi.

Theo đơn khởi kiện ngày 09/10/2017 bà yêu cầu bà Th trả lại số tiền nợ 173.000.000đ, nay bà rút lại một phần yêu cầu khởi kiện, chỉ yêu cầu bà Th trả lại số tiền 140.000.000đ, thống nhất khấu trừ số tiền 33.000.000đ đã nhận vào số tiền nợ gốc, ngoài ra không yêu cầu gì khác.

Tại phiên tòa bà D không thừa nhận số tiền 173.000.000đ bao gồm tiền gốc và tiền lãi.

*** Tại bản khai, biên bản lấy lời khai ngày 30/10/2017, biên bản hòa giải ngày 08/11/2017 và tại phiên tòa bà Lê Thị Kim Th bày:**

Trước đây vào khoản năm 2010 bà có vay của bà D số tiền 40.000.000đ, lãi suất 6%/tháng, vay để lên Capuchia làm hãng bọc, vay không có làm biên nhận nợ, bà có đóng lãi cho bà D mỗi tháng 2.400.000đ x 12 tháng = 28.800.000đ (từ năm 2010-2011), có tham gian 02 chân hội nợ số tiền khoản 40.000.000đ, tổng cộng còn nợ gốc là D số tiền 80.000.000đ. Sau đó do làm ăn thua lỗ không có tiền trả gốc cũng như đóng lãi cho bà D, bà D yêu cầu bà ký tên biên nhận nợ ngày 15/6/2013 với số tiền nợ là 173.000.000đ. Bà thống nhất biên nhận nợ ngày 15/6/2013 là do bà D viết, chữ viết tên và dấu vân tay là của bà Th, do bà Th không có đọc lại biên nhận nợ nên không biết bao nhiêu tiền, bà D hứa kể từ ngày ký biên nhận nợ thì không tính lãi của bà nữa, bà cam kết trả cho bà D mỗi tháng 1.000.000đ.

Sau này bà mới biết là tiền gốc lãi bà D cộng chung thành số tiền 173.000.000đ, nhưng tiền gốc bà chỉ nợ của bà D là khoản 80.000.000đ, còn lại là tiền lãi theo biên nhận nợ ngày 15/6/2013. Sau khi ký biên nhận nợ bà có trả tiền cho bà D mỗi lần khoảng 2000.000đ đến 3000.000đ, tính đến nay bà đã trả cho bà D được khoảng 40.000.000đ, nhưng không có làm biên nhận nhận tiền. Bà

D thừa nhận có nhận số tiền trả nợ của bà là 33.000.000đ, thống nhất số tiền đã trả cho bà D là 33.000.000đ, thống nhất trừ vào số tiền nợ là 173.000.000đ.

Bà Th thừa nhận có ký nhận nợ bà D số tiền 173.000.000đ, đã trả được 33.000.000đ, nên chỉ còn nợ số tiền 140.000.000đ. Nay bà Th thống nhất trả cho bà D số tiền 80.000.000đ, yêu cầu bà D giảm cho bà số tiền 60.000.000đ vì trong số tiền 173.000.000đ có tiền lãi nhưng bà không biết bao nhiêu, hiện nay bà không có công việc nên không có thu nhập để trả nợ cho bà D.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Thanh Bình tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến:

- Về việc tuân theo pháp luật: Từ khi thụ lý vụ án đến thời điểm trước khi nghị án, Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và những người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án đã thực hiện đúng các quy định của pháp luật tố tụng dân sự. Những người tham gia tố tụng đã thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ tố tụng theo quy định.

- Về nội dung vụ án: Đề nghị chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà D, buộc bà Th trả lại cho bà D số tiền 140.000.000đ và đình chỉ một phần yêu cầu khởi kiện đối với số tiền 33.000.000đ.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử xét thấy:

[1] Về pháp luật tố tụng và pháp luật nội dung:

- Về thẩm quyền giải quyết: Do tranh chấp giữa cá nhân và cá nhân, bị đơn bà Lê Thị Kim Th hiện nay đang cư trú tại ấp T, xã H, huyện B, tỉnh Đ, nguyên đơn khởi kiện bị đơn tại Tòa án nơi bị đơn cư trú, nên thuộc thẩm quyền của Tòa án nhân dân huyện Thanh Bình, tỉnh Đồng Tháp theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự.

- Về quan hệ pháp luật: Căn cứ biên nhận nợ ngày 15/6/2013(AL), bà Nguyễn Thị Thiện D khởi kiện yêu cầu bà Lê Thị Kim Th trả lại số vay còn nợ là 173.000.000đ, đã trả 33.000.000đ, hiện còn nợ 140.000.000đ, vì cho rằng bà Th vi phạm nghĩa vụ trả nợ. Bà Lê Thị Kim Th thừa nhận chữ ký tên và dấu vân tay trong biên nhận ngày 15/6/2013 là của bà, bà cho rằng trong số tiền 173.000.000đ có tiền lãi nhưng không biết bao nhiêu, bà đã trả cho bà D được 33.000.000đ, nay bà chỉ thống nhất trả cho bà D số tiền 80.000.000đ, từ đó làm phát sinh tranh chấp hợp đồng vay tài sản. Tòa án thụ lý giải quyết vụ án theo quy định tại khoản 3 Điều 26 Bộ luật Tố tụng dân sự.

- Về áp dụng pháp luật: Biên nhận nợ ngày 15/6/2013(AL), giao dịch này được thực hiện vào năm 2013 áp dụng quy định của Bộ luật dân sự năm 2005.

[2] Về nội dung vụ án:

Bà Nguyễn Thị Thiện D khởi kiện bà Lê Thị Kim Th trả lại số tiền 173.000.000đ, căn cứ biên nhận nợ ngày 15/6/2013 (AL), bà Th thừa nhận chữ ký tên và dấu vân tay trong biên nhận nợ là do bà Th. Việc bà Th có nợ bà D số tiền 173.000.000đ là có thật, phù hợp với quy định tại điều 471 BLDS năm 2005. Bà D thừa nhận có nhận số tiền 33.000.000đ, thống nhất khấu trừ vào số tiền 173.000.000đ theo biên nhận nợ ngày 15/6/2013, nên chỉ yêu cầu bà Th trả lại số tiền 140.000.000đ, không yêu cầu tính lãi là có cơ sở chấp nhận.

Bà Th trình bày số tiền 173.000.000đ theo biên nhận ngày 15/6/2013 bao gồm tiền nợ gốc và lãi là nhưng bà không có chứng cứ chứng minh, cũng không biết số tiền lãi là bao nhiêu, do bà D không thừa nhận có tiền lãi trong số tiền 173.000.000đ, bà Th cũng không cung cấp được chứng cứ nào khác chứng minh đây là tiền lãi, trong khoảng thời gian từ năm 2013 đến tháng 5/2017 bà cũng đã trả cho bà D được 33.000.000đ, bà Th thống nhất có nợ số tiền 173.000.000đ trừ 33.000.000đ đã trả, hiện còn nợ 140.000.000đ, nhưng chỉ thống nhất trả 80.000.000đ, yêu cầu bà D giảm cho bà số tiền 60.000.000đ, vì bà không có công việc ổn định, không có khả năng trả nợ là không có cơ sở chấp nhận, cũng như điều chỉnh lãi theo quy định, mặt khác bà D cũng không thừa nhận trong số tiền 173.000.000đ có bao gồm tiền lãi.

Do bà Nguyễn Thị Thiện D không yêu cầu tính lãi suất nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

Tại phiên tòa bà D rút lại một phần yêu cầu khởi kiện đối với số tiền 33.000.000đ nên căn cứ khoản 2 Điều 244 Bộ luật tố tụng dân sự đình chỉ một phần yêu cầu của bà D đối với số tiền 33.000.000đ.

[3] Về án phí: Căn cứ khoản 1 Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự; khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội.

- Bị đơn bà Lê Thị Kim Th phải chịu án phí dân sự sơ thẩm tương ứng với phần yêu cầu của nguyên đơn đối với bị đơn được Tòa án chấp nhận là 140.000.000đ x 5% (có giá ngạch) = 7.000.000đ.

- Nguyên đơn bà D không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm, hoàn trả lại cho bà D số tiền tạm ứng án phí đã nộp.

Xét quan điểm của Đại diện Viện kiểm sát là phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử do đó được chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

+ Căn cứ vào các Điều 471, 474, 476, khoản 2 Điều 305 Bộ luật dân sự năm 2005;

+ Căn cứ khoản 2 Điều 244, khoản 1 Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội tuyên xử:

1/ Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị Thiện D đối với bà Lê Thị Kim Th.

Buộc bà Lê Thị Kim Th có trách nhiệm trả lại cho bà Nguyễn Thị Thiện D số tiền còn nợ 140.000.000đ (Một trăm bốn mươi triệu đồng);

Kể từ khi bà Nguyễn Thị Thiện D có đơn yêu cầu thi hành án mà bà Lê Thị Kim Th chưa thi hành xong số tiền nợ trên thì hàng tháng phải chịu lãi suất, theo mức lãi suất cơ bản do Ngân hàng Nhà nước công bố tương ứng với số tiền chậm thi hành vào từng thời điểm thi hành án.

Đình chỉ một phần yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị Thiện D đối với bà Lê Thị Kim Th về việc rút lại một phần yêu cầu khởi kiện số tiền 33.000.000đ (Ba mươi ba triệu đồng).

2/ Về án phí:

- Bà Lê Thị Kim Th phải chịu 7.000.000đ (*Bảy triệu đồng*) án phí dân sự sơ thẩm.

- Bà Nguyễn Thị Thiện D không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm, được nhận lại toàn bộ số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 4.325.000đ (*Bốn triệu, ba trăm hai mươi lăm nghìn đồng*) theo biên lai số BO/2014- 00624 ngày 11/10/2017 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Thanh Bình, tỉnh Đồng Tháp.

Các đương sự có quyền kháng cáo lên Tòa án nhân dân tỉnh Đồng Tháp trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án.

Trường hợp quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự, thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật thi hành án dân sự sửa đổi, bổ sung năm 2014; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Đương sự;
- Viện kiểm sát nhân dân huyện Thanh Bình;
- Chi cục THA DS huyện Thanh Bình;
- Tòa án ND tỉnh Đồng Tháp;
- Cổng thông tin Điện tử Tòa án;
- Lưu: VT, hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ
(ĐẤ KÝ)**

Lý Thị Bích Thơ

